

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN DƯƠNG KINH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-11-2019
V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Dũng

Bà Tạ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 Quyết định hoãn phiên tòa số 283/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Q; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Bị đơn: Chị Trần Thị H; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1991, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng do không hiểu biết pháp luật và bận làm ăn nên anh chị chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới anh Q và chị H về tổ dân phố T, phường H, quận Dương Kinh sinh sống,

hai bên chung sống hòa thuận được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2006 đến nay, anh Q và chị H sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm tới nhau. Anh Q và chị H đã hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không thành. Nay anh thấy tình cảm với chị H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trần Thị Tr, sinh năm 1993 và Trần Hoàng S, sinh năm 1996, các con đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ chị H đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Trong quá trình tòa **án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh, thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn** giữa anh Q và chị H;

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Căn cứ quy định tại các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử không công nhận anh Trần Văn Q với chị Trần Thị H là vợ chồng. Về con chung: Các con đã thành niên nên không phải giải quyết; tài sản chung anh Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị H kết hôn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân nên theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân của anh Q và chị H chưa được coi là trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Anh Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Dương Kinh giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng, chị H hiện đang cư trú tại quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, nên theo khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị H xây dựng gia đình với nhau từ năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án nhân dân quận Dương Kinh đã thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn giữa anh Q và chị H tại Ủy ban nhân dân phường H và tại Phòng Tư pháp quận Dương Kinh, đều thể hiện trong sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 1991 đến nay không có trường hợp đăng ký kết hôn của anh Q và chị H. Như vậy có cơ sở khẳng định: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị H chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình: "... 4. *Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*" do đó anh Q yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của anh Q

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Tr, sinh năm 1993 và Trần Hoàng S, sinh năm 1996, các con đã thành niên nên không phải xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Trần Văn Q và chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn Q và chị Trần Thị H.

2. Về án phí: Anh Q phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh theo biên lai thu tiền số 0014247 ngày 04/9/2019

3. Anh Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Dương Kinh;
- Tòa án NDTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- UBND P.H.Q. Dương Kinh;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai